

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5519 /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tuyển sinh quân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Thông tư số 41/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng tại Tờ trình số 6117/TTr-TM ngày 24 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tuyển sinh quân sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính tương ứng đã công bố tại Quyết định số 6225/QĐ-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công bố Bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;
- Cục Quân huấn - Nhà trường/Bộ Tổng Tham mưu;
- Công Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, CCHC. S135.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Thượng tướng Lê Huy Vịnh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC TUYỂN SINH QUÂN SỰ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQP ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP BỘ				
1	3.000421	Thủ tục tuyển sinh theo chế độ cử tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp	Thông tư số 41/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội	Tuyển sinh quân sự	Ban tuyển sinh quân sự BQP
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1	3.000422	Thủ tục tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy	Thông tư số 41/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội	Tuyển sinh quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh
2	3.000423	Thủ tục tuyển sinh đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở			

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

1. Thủ tục tuyển sinh theo chế độ cử tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp

Trình tự thực hiện:

- *Bước 1.* Căn cứ chỉ tiêu cử tuyển do Bộ Quốc phòng giao Ban Tuyển sinh quân sự và cơ quan chức năng cấp quân khu hoặc tương đương phân bổ chỉ tiêu cho các đơn vị, địa phương trực thuộc và chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện.

- *Bước 2.* Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh và tương đương tổ chức sơ tuyển và hướng dẫn thí sinh làm hồ sơ theo mẫu quy định của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

- *Bước 3.* Ban Tuyển sinh quân sự *cấp tỉnh, cấp quân khu* xét duyệt hồ sơ, thông qua cấp ủy cùng cấp và gửi đề nghị về các nhà trường Quân đội; Hội đồng tuyển sinh các trường thẩm định, báo cáo đề nghị với Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân huấn - Nhà trường/Bộ Tổng Tham mưu).

- *Bước 4.* Cục Quân huấn - Nhà trường/Bộ Tổng Tham mưu chủ trì, phối hợp với Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu, Cán bộ/Tổng cục Chính trị thẩm định, đề xuất danh sách đủ tiêu chuẩn cử tuyển xong trước ngày 10 tháng 8 hằng năm; tổng hợp, báo cáo Trưởng ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển.
- 03 phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 phiếu khám sức khỏe.
- 01 bản xác minh lí lịch chính trị.
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính giấy khai sinh.
- Bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh chưa được cấp bằng tốt nghiệp.
- Bản sao học bạ trung học phổ thông.
- Giấy xác nhận là con liệt sỹ, con thương binh, bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh; các giấy xác nhận đối tượng mà thí sinh được hưởng ưu tiên xét cử tuyển (nếu có).
- Xác nhận nơi thường trú, thời gian thường trú: *Ban Tuyển sinh quân sự*

cấp xã, phường, đặc khu (sau đây viết gọn là cấp xã) chịu trách nhiệm xác nhận nơi thường trú, thời gian thường trú của thí sinh dự tuyển. Việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Ghi chú: Trong trường hợp, các thành phần hồ sơ trên có thể khai thác từ Cơ sở dữ liệu cấp Bộ hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về chuyên ngành thì không cần cung cấp hoặc xuất trình.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết:

- Tổ chức sơ tuyển và thí sinh làm hồ sơ, thực hiện xong trước ngày 25 tháng 6 hằng năm.

- Xét duyệt và báo cáo đề nghị với các nhà trường trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

- Hội đồng tuyển sinh các nhà trường thẩm định, báo cáo đề nghị với Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

- Thẩm định và đề xuất danh sách đủ tiêu chuẩn cử tuyển xong trước ngày 10 tháng 8; tổng hợp, báo cáo Trưởng ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định trước ngày 30 tháng 8 hằng năm.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Trưởng ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp sư đoàn, cấp tỉnh và tương đương.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan Thành viên Ban tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định tuyển sinh đào tạo sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học quân sự theo chế độ cử tuyển.

Lệ phí:

- Phí sơ tuyển: 50.000 đồng/hồ sơ.

- Phí đăng ký xét tuyển: Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đăng ký cử tuyển (có Mẫu số 01 kèm theo).

- Phiếu đăng ký dự tuyển (tờ khai) theo quy định của Bộ Quốc phòng (Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Yêu cầu về đối tượng, vùng tuyển

a) Người dân tộc thiểu số rất ít người.

b) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chưa đạt theo quy định:

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 15% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 30% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 40% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

- Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của xã: Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 50% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

2. Điều kiện: Đối tượng được xét cử tuyển vào đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp trong Quân đội phải qua sơ tuyển, có đủ các tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, sức khỏe, độ tuổi, phải ở trong vùng xét tuyển vùng tuyển và phải có đủ các điều kiện sau:

a) Tiêu chuẩn chung

- Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này.

- Đạt tiêu chuẩn sơ tuyển về chính trị, đạo đức, sức khỏe theo quy định của Bộ Quốc phòng, gồm:

+ *Tiêu chuẩn chính trị, đạo đức Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 41/2025/TT-BQP;*

+ *Tiêu chuẩn về sức khỏe: Đào tạo đại học, cao đẳng quân sự thực hiện theo quy định tại điều 15, Thông tư số 41/2025/TT-BQP;*

- Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

b) *Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1, Điều 56, Thông tư số 41/2025/TT-BQP, người học được cử tuyển vào đại học phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:*

- *Tốt nghiệp trung học phổ thông.*

- *Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt.*

- *Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên.*

- *Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.*

c) *Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1, Điều 56, Thông tư số 41/2025/TT-BQP, người học được cử tuyển vào cao đẳng phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:*

- *Tốt nghiệp trung học phổ thông.*

- *Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt.*

- *Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên.*

- *Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.*

d) *Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1, khoản 2 nội dung này, người học được cử tuyển vào trung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:*

- *Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông.*

- *Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học cuối đạt loại khá trở lên.*

- *Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên.*

- *Có thời gian học đủ 04 năm học và tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.*

e) *Được Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương sơ tuyển, báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng đề nghị; Hội đồng tuyển sinh các trường thẩm định, đề nghị; được Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng quyết định vào học.*

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024.

- Căn cứ Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

- *Thông tư số 41/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội.*

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng quân sự hệ chính quy

Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đăng ký dự tuyển trực tiếp kê khai các mẫu biểu, hồ sơ sơ tuyển thuộc phần quy định cá nhân tự khai và nộp cho *Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã* (đối với thanh niên ngoài Quân đội), cấp trung đoàn (đối với quân nhân tại ngũ).

Bước 2. Ban Tuyển sinh cấp xã tổ chức khám sơ tuyển sức khỏe; tổ chức xác minh chính trị gửi hồ sơ sơ tuyển lên Ban Tuyển sinh quân sự.

Bước 4. Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh xét duyệt gửi hồ sơ, danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển cho các nhà trường và báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

Bước 5. Các nhà trường tổ chức thẩm định và xét duyệt hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển; tổng hợp báo cáo kết quả xét duyệt hồ sơ về Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho các địa phương trước ngày 20 tháng 6; gửi phiếu báo kết quả cho thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trước ngày 27 tháng 6 hằng năm.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

Thành phần hồ sơ:

- 03 phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 phiếu khám sức khỏe.
- 01 bản thẩm tra, xác minh chính trị.
- 01 giấy chứng nhận được hưởng ưu tiên đối với những thí sinh thuộc diện ưu tiên.
- 04 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: Từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 30 tháng 6 hằng năm

- Thời gian tổ chức khám sức khỏe cho thí sinh đăng ký dự tuyển vào 02 đợt:
 - + Đợt 1: vào tuần 3 tháng 4 hằng năm.
 - + Đợt 1: vào tuần 02 tháng 5 hằng năm.

- Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã báo cáo kết quả xét duyệt hồ sơ sơ tuyển về Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh để thẩm định, kết luận. Căn cứ vào kết quả thẩm định, Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh thông báo cho Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã và báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng trước ngày 20 tháng 6 hằng năm. Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ sơ tuyển cho thí sinh trước ngày 27 tháng 6 hằng năm. Ban Tuyển sinh

quân sự cấp tỉnh bàn giao hồ sơ sơ tuyển cho các nhà trường trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng Tuyển sinh các nhà trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: *Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã.*

- Cơ quan phối hợp: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy báo kết quả sơ tuyển.

Lệ phí:

- Phí sơ tuyển: 50.000 đồng/hồ sơ. Riêng sơ tuyển các ngành năng khiếu: 120.000 đồng/hồ sơ (bao gồm tất cả các môn).

- Phí đăng ký xét tuyển: Theo quy định hằng năm của các học viện, trường.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (tờ khai) theo quy định của Bộ Quốc phòng (Mẫu số 02 kèm theo).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức:

- Thí sinh tự nguyện đăng ký dự tuyển vào nhà trường Quân đội; khi trúng tuyển vào học phải tuyệt đối chấp hành sự phân công công tác của nhà trường và Bộ Quốc phòng.

- Thực hiện theo Thông tư số 05/2019/TT-BQP ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chính trị của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Thông tư số 02/2023/TT-BQP ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đối tượng, tiêu chuẩn đào tạo cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Phẩm chất đạo đức tốt, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Trường hợp thí sinh là quân nhân phải được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian phục vụ tại ngũ.

2. Tiêu chuẩn về trình độ văn hóa, độ tuổi

a) Trình độ văn hóa: Tính đến thời điểm xét tuyển, đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên).

b) Độ tuổi

- Quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân từ 18 đến 23 tuổi (tính đến năm dự tuyển).

- Thanh niên ngoài Quân đội từ 17 đến 21 tuổi (tính đến năm dự tuyển).

3. Tiêu chuẩn về sức khỏe

a) Tiêu chuẩn chung: Tuyển chọn thí sinh (nam và nữ) đạt Loại 1 và Loại 2 theo quy định tại thực hiện Thông tư số 105/2023/TT-BQP ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là Thông tư số 105/2023/TT-BQP); Thông tư số 106/2025/TT-BQP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2023/TT-BQP theo các chỉ tiêu: Thể lực (trừ chiều cao, cân nặng có quy định riêng), mắt (trừ tật khúc xạ cận thị có quy định riêng), tai mũi họng, răng hàm mặt, nội khoa, thần kinh, tâm thần, ngoại khoa, da liễu và sản phụ khoa (đối với nữ); không sử dụng tiêu chuẩn riêng để phân loại sức khỏe.

b) Một số tiêu chuẩn riêng cho từng đối tượng, như sau:

- Được tuyển các thí sinh viêm ruột thừa đã phẫu thuật, đạt kết quả tốt và thí sinh thận có 1 đến 2 nang, đường kính từ 0,5cm đến dưới 1cm, không chèn ép đài bể thận.

- Các trường đào tạo sĩ quan chỉ huy, chính trị, hậu cần, gồm các học viện: Hậu cần, Phòng không - Không quân (ngành Chỉ huy Tham mưu), Hải quân, Biên phòng và các trường sĩ quan: Lục quân 1, Lục quân 2, Chính trị, Pháo binh, Công binh, Tăng thiết giáp, Thông tin, Đặc công, Phòng hóa:

- + Thể lực: Chỉ số BMI ≤ 30 ; thí sinh nam cao từ 1,65m trở lên, cân nặng từ 50kg trở lên; thí sinh nữ (nếu có) phải đạt Điểm 1 theo quy định tại Thông tư số 105 (cao từ 1,54m trở lên, cân nặng từ 48kg trở lên) theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP.

- + Mắt: Không tuyển thí sinh mắc tật khúc xạ cận thị.

- Các trường đào tạo sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, gồm các học viện: Kỹ thuật quân sự, Quân y, Khoa học quân sự, Phòng không - Không quân (ngành Kỹ thuật Hàng không) và Hệ đào tạo cao đẳng quân sự tại Trường Sĩ quan Không quân, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mật mã, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin, Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng.

- + Thể lực: Chỉ số BMI ≤ 30 ; thí sinh nam cao từ 1,63 m trở lên, cân nặng từ 50 kg trở lên; thí sinh nữ (nếu có) phải đạt Điểm 1 theo quy định tại Thông tư số 105 (cao từ 1,54 m trở lên, cân nặng từ 48 kg trở lên).

- + Mắt: Được tuyển thí sinh (cả nam và nữ) mắc tật khúc xạ cận thị không quá 3 đi-ốp, kiểm tra thị lực sau chỉnh kính đạt Điểm 1 theo quy định tại Thông tư số 105 (thị lực mắt phải đạt 10/10; tổng thị lực 2 mắt đạt 19/10 trở lên) và các thí sinh cận thị từ 3 đi-ốp đến 6 đi-ốp đã phẫu thuật ổn định (thị lực mắt phải đạt 10/10; tổng thị lực 2 mắt đạt 19/10 trở lên).

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên thuộc khu vực 1, hải đảo và thí sinh là người dân tộc thiểu số, dự tuyển vào các trường: Được tuyển thí sinh (cả nam và nữ) có thể lực đạt điểm 1 và điểm 2 theo quy định tại Thông tư số 105; trong đó thí sinh nam phải đạt chiều cao từ 1,60 m trở lên, nặng 48 kg trở lên; thí sinh nữ phải đạt chiều cao từ 1,52 m trở lên, nặng 46 kg trở lên.

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số thuộc 16 dân tộc rất ít người theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người (gồm các dân tộc: Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) các trường được tuyển thí sinh nam đạt chiều cao từ 1,58 m trở lên, nặng 46 kg trở lên; thí sinh nữ phải đạt chiều cao từ 1,52 m trở lên, nặng 44 kg trở lên; các tiêu chuẩn khác thực hiện như đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số nói chung.

- Đối tượng đào tạo sĩ quan của các quân, binh chủng nếu tuyển chọn sức khỏe theo các tiêu chuẩn riêng vẫn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung.

- Tuyển sinh đào tạo phi công quân sự, sĩ quan Dù-Tìm kiếm cứu nạn đường không, Thiết bị bay không người lái đào tạo tại Trường Sĩ quan Không quân, chỉ tuyển chọn thí sinh đã được Quân chủng Phòng không - Không quân tổ chức khám tuyển sức khỏe, kết luận đủ điều kiện xét tuyển vào đào tạo phi công quân sự. Thí sinh đã qua hai vòng khám sức khỏe đào tạo phi công quân sự do Quân chủng Phòng không - Không quân khám và kết luận đủ điều kiện sức khỏe thì không phải khám sức khỏe khi tiến hành sơ tuyển tại Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024.

- *Thông tư số 41/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội.*

2. Thủ tục tuyển sinh đào tạo cán bộ ngành quân sự cơ sở

Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người đăng ký dự tuyển đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở đăng ký dự tuyển tại Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã.

Bước 2. Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã hướng dẫn thí sinh làm hồ sơ sơ tuyển theo mẫu quy định của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức sơ tuyển, thẩm tra xác minh chính trị báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 25 tháng 4 hằng năm; báo cáo danh sách và hồ sơ thí sinh đủ tiêu chuẩn dự tuyển về Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh trước ngày 26 tháng 4 hằng năm.

Bước 3. Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh: Thẩm định hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển của thí sinh xong trước ngày 02 tháng 5 hằng năm; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn dự tuyển, báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội trước ngày 05 tháng 5 hằng năm (riêng hồ sơ thí sinh cử tuyển xong trước ngày 15 tháng 6 hằng năm).

Bước 4. Ban Tuyển sinh quân sự cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Thẩm định, xét duyệt hồ sơ thí sinh đủ tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển, lập danh sách báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân huấn - Nhà trường, Cục Dân quân tự vệ/Bộ Tổng Tham mưu); bàn giao hồ sơ thí sinh đủ tiêu chuẩn (bao gồm cả hồ sơ của thí sinh đề nghị cử tuyển) cho Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2 trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

Bước 5. Hội đồng tuyển sinh Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2: Tổ chức xét duyệt hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển; tổng hợp báo cáo kết quả xét duyệt về Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, thông báo cho các đơn vị, địa phương sau 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Các địa phương thông báo cho thí sinh ngay sau khi nhận được thông báo của Hội đồng tuyển sinh các trường.

Bước 6. Căn cứ vào quy định điểm chuẩn của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng, hiệu trưởng các trường thông báo kết quả xét tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển tới các quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh báo cáo với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh sách thí sinh trúng tuyển và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định cử thí sinh trúng tuyển đi đào tạo.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp đăng ký tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

Thành phần hồ sơ:

- 03 phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 đơn đăng ký dự tuyển của thí sinh.
- 01 bản sao giấy khai sinh.
- 01 bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; nếu là thí sinh dự tuyển

đào tạo liên thông có thêm bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; thí sinh xét tuyển thẳng và cử tuyển có thêm bản sao học bạ trung học phổ thông.

- 01 bản thẩm tra, xác minh lý lịch.
- 01 phiếu sức khỏe tuyển sinh quân sự.
- 01 bản xác nhận của cấp uỷ Đảng cấp xã là cán bộ trong nguồn quy hoạch cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đề nghị trên xét đi đào tạo và hướng sử dụng sau đào tạo.
- 01 giấy chứng nhận được hưởng ưu tiên đối với những thí sinh thuộc diện ưu tiên.
- 04 ảnh chân dung cỡ 4x6 cm theo quy định của Bộ Quốc phòng.
- 01 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc.
- Trường hợp thí sinh xét cử tuyển có thêm bản sao học bạ và giấy xác nhận thường trú, thời gian thường trú. Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện chịu trách nhiệm xác nhận nơi thường trú, thời gian thường trú của thí sinh dự tuyển. Việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Ghi chú: Trong trường hợp, các thành phần hồ sơ trên có thể khai thác từ Cơ sở dữ liệu cấp Bộ hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về chuyên ngành thì không cần cung cấp hoặc xuất trình.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết:

- Ban Tuyển sinh quân sự cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức sơ tuyển, thẩm tra xác minh chính trị trước ngày 25 tháng 4 hằng năm.
- Ban Tuyển sinh quân sự cấp tỉnh:
 - + Thẩm định hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển xong trước ngày 02 tháng 5 hằng năm.
 - + Báo cáo và đề nghị ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn dự tuyển về Ban Tuyển sinh quân sự quân khu trước ngày 05 tháng 5 hằng năm; riêng hồ sơ thí sinh cử tuyển xong trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.
 - Ban Tuyển sinh quân sự quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao danh sách thí sinh và hồ sơ đề nghị cử tuyển về các nhà trường trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng Tuyển sinh Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Lục quân 2.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Không

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy báo kết quả sơ tuyển.

Lệ phí:

- Phí sơ tuyển: 50.000 đồng/hồ sơ.

- Phí đăng ký xét tuyển: Theo quy định hằng năm của các học viện, trường.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu đơn đăng ký cử tuyển đối với thí sinh cử tuyển (Mẫu số 01 kèm theo).

- Phiếu đăng ký dự tuyển (tờ khai) theo quy định của Bộ Quốc phòng (Mẫu số 02, Mẫu số 03 kèm theo).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Đối tượng

- Tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở chính quy, đại học văn bằng 2 và cử tuyển đại học, cao đẳng, gồm:

+ Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã chưa qua đào tạo.

+ Cán bộ chỉ huy, chiến sĩ dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ.

+ Hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ.

+ Sĩ quan dự bị chưa xếp vào các đơn vị dự bị động viên.

+ Cán bộ chỉ huy, chiến sĩ dân quân tự vệ.

+ Cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên đang công tác tại cơ sở.

Riêng đối tượng cử tuyển đại học, cao đẳng còn phải đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ.

- Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng hình thức vừa làm vừa học: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và các đối tượng là nguồn cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đã có bằng trung cấp ngành quân sự cơ sở.

- Tuyển sinh đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học hình thức vừa làm vừa học: Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và các đối tượng là nguồn cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đã có bằng cao đẳng ngành quân sự cơ sở.

2. Tiêu chuẩn

- Tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành quân sự cơ sở hệ chính quy

+ Độ tuổi: Không quá 31 tuổi (tính đến năm tuyển sinh).

+ Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

+ Trình độ văn hóa: Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông.

+ Chính trị, phẩm chất đạo đức: Là đảng viên hoặc có đủ điều kiện phát triển thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

+ Được cấp ủy, chính quyền cấp xã xác định là nguồn cán bộ quân sự cơ sở trong quy hoạch của địa phương; thông qua quy trình xét tuyển, trúng tuyển được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và bố trí sử dụng sau đào tạo.

- Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, từ cao đẳng lên đại học hình thức vừa làm, vừa học.

+ Độ tuổi (tính đến năm tuyển sinh): Trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở từ trên 22 tuổi đến 45 tuổi; cao đẳng ngành quân sự cơ sở lên đại học ngành quân sự cơ sở từ trên 24 tuổi đến 45 tuổi.

+ Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

+ Học viên tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng ngành quân sự cơ sở đạt loại khá trở lên được tham gia dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp; tốt nghiệp loại trung bình phải có ít nhất 01 năm công tác tại cơ sở mới được tham gia dự tuyển.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

+ Được cấp ủy, chính quyền địa phương xác định trong quy hoạch nguồn cán bộ quân sự Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; thông qua quy trình xét tuyển, trúng tuyển được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và giám sát việc sử dụng sau đào tạo.

- Tuyển sinh cử tuyển đào tạo đại học, cao đẳng

+ Thực hiện theo quy định của đại học, cao đẳng quân sự.

+ Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

+ Được cấp ủy, chính quyền cấp xã quy hoạch là nguồn cán bộ quân sự cơ sở của địa phương; thông qua quy trình xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và bố trí sử dụng sau đào tạo.

- Tuyển sinh đào tạo đại học văn bằng 2

+ Có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác.

+ Độ tuổi (tính đến năm tuyển sinh): Đào tạo từ nguồn không quá 31 tuổi; là Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đương chức, không quá 45 tuổi.

+ Chính trị, phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; bản thân và gia đình chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

+ Được cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã xác định là nguồn cán bộ quân sự cơ sở trong quy hoạch của địa phương, thông qua quy trình xét tuyển, trúng tuyển được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cử đi đào tạo và bố trí sử dụng sau đào tạo.

+ Sức khỏe: Đạt sức khỏe Loại 1, Loại 2, Loại 3 theo quy định tại Thông tư số 105/2023/TT-BQP. Riêng tiêu chuẩn về thể lực chung và răng được lấy đến điểm 4.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024.

- Căn cứ Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

- *Thông tư số 41/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh vào các trường Quân đội.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày.....thángnăm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

Kính gửi: Ban Tuyển sinh quân sự.....

1. Họ và tên người đăng ký học: Nam/nữ
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Dân tộc: Tôn giáo.....
4. Địa chỉ thường trú (ghi rõ thôn, bản, xã, tỉnh):
.....
5. Ngành dự định xin học:
Trình độ đào tạo (ĐH, CĐ, TC):
6. Thuộc đối tượng ưu tiên
7. Đã tốt nghiệp:
Ngày, tháng, năm dự thi tốt nghiệp:
8. Xếp loại năm cuối cấp/cuối khoá: Học lực: ... Hạnh kiểm (rèn luyện)
9. Điểm các môn thi THPT: Môn 1:....; Môn 2:....; Môn 3:; Môn 4:....; Môn
.....
10. Điểm thi đại học, cao đẳng, trung cấp (nếu có).....
11. Đạt giải (nếu có) môn
kỳ thi học sinh giỏi hoặc kỳ thi Olympic: năm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu được chấp nhận, tôi xin cam kết: Chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với người học theo chế độ cử tuyển, sau khi tốt nghiệp chấp hành nghiêm sự bố trí việc làm của Bộ Quốc phòng.

Khi cần, báo tin cho ai, địa chỉ, điện thoại (nếu có):.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ HỌC
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU ĐK 01 - A

*Ảnh 4 x 6
của thí sinh
(Đóng dấu
trùm lên góc bên
phải phía dưới ảnh)*

**I. TÊN VÀ KÍ HIỆU CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
QUÂN SỰ TUYỂN SINH NĂM 202...**

TT	TÊN TRƯỜNG		KÍ HIỆU TRƯỜNG
1	Học viện Kỹ thuật quân sự		KQH
2	Học viện Quân y		YQH
3	Học viện Hậu cần		HEH
4	Học viện Hải quân		HQH
5	Học viện Phòng không-Không quân		PKH
6	Học viện Biên phòng		BPH
7	Học viện Khoa học quân sự		NQH
8	Trường Sĩ quan Lục quân 1		LAH
9	Trường Sĩ quan Lục quân 2		LBH
10	Trường Sĩ quan Chính trị		LCH
11	Trường Sĩ quan Đặc công		DCH
12	Trường Sĩ quan Phòng hoá		HGH
13	Trường Sĩ quan Pháo binh		PBH
14	Trường Sĩ quan Công binh		SNH
15	Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp		TGH
16	Trường Sĩ quan Thông tin		TTH
17	Trường Sĩ quan Không quân	Đại học (đào tạo Phi công quân sự và Thiết bị bay không người lái)	KGH
		Cao đẳng (đào tạo Kỹ thuật hàng không)	KGC
18	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mật mã		MMH
19	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin		THH
20	Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng		QPH

BỘ QUỐC PHÒNG
BAN TUYỂN SINH QUÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU ĐK 01 - B

PHIẾU ĐĂNG KÝ SƠ TUYỂN, TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ NĂM 202...

- 1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSBQP)
- 2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký sơ tuyển (ĐKST): Tỉnh (thành phố, QK, QĐ, QC, BC, TC...)
xã (phường, đặc khu):
- 3- Trường ĐKST và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất): (Trước khi ghi, xem kỹ hướng dẫn tại mục IV, mặt sau phiếu ĐK-01C)
- Tên trường:
Ký hiệu trường Mã ngành
- Tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển:
- 4- Họ, chữ đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh) Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0
- 5- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu) Ngày tháng năm
- 6- Nơi đăng ký khai sinh:
- 7- Nơi đăng ký thường trú:
KV1, KV2-NT, KV2, KV3) Mã tỉnh Mã xã
- 8- Dân tộc: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.
- 9- Tôn giáo: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.
- 10- Nơi học THPT: (Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm; ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô mã).
Năm lớp 10:
Năm lớp 11:
Năm lớp 12:
- 11- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)
- 12- Năm tốt nghiệp THPT: (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô).
- 13- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ.....nơi đóng quân (ghi rõ thôn hoặc tương đương, xã (phường, đặc khu), tỉnh).....
- 14- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào, thì ghi vào 2 ô mã, ký hiệu của đối tượng đó.
Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).
- 15- Thẻ căn cước công dân (hoặc Giấy chứng minh nhân dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)
- 16- Đối tượng sơ tuyển: (Thanh niên ghi số 0; quân nhân ghi số 1).
- 17- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa khi trúng tuyển:

Ghi chú:

- Sau ngày xét tuyển, mọi yêu cầu sửa đổi, nội dung lời khai sẽ không có giá trị.
- Địa chỉ liên lạc, điện thoại: Ghi rõ thôn, xã (số nhà, phố, phường), tỉnh (thành phố), đơn vị:

Người thu hồ sơ
(Ký ghi rõ họ tên, cấp bậc)

Ảnh 4 x 6
của thí sinh
(Đóng dấu
trùm lên góc bên phải
phía dưới ảnh)

Ngày tháng năm 202...
Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

II. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH NĂM 202...

Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo khu vực và ưu tiên theo đối tượng theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD & ĐT) ban hành năm 202....

III. ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỪ KẾT QUẢ KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 202...

1. Đối với xét tuyển đợt 1: Thí sinh phải đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào hệ đào tạo đại học, cao đẳng quân sự tại trường Quân đội; các nguyện vọng còn lại thí sinh đăng ký vào các trường ngoài Quân đội.

2. Thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào các học viện, trường trong Quân đội, sẽ được xét tuyển các nguyện vọng kế tiếp vào các trường ngoài Quân đội theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng thí sinh đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD & ĐT.

PHIẾU ĐĂNG KÝ SƠ TUYỂN, TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ NĂM 202...

1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSOSBOP)

2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký sơ tuyển (ĐKST): Tỉnh (thành phố, QK, QĐ, QC, BC, TC...).....
 xã (phường, đặc khu):

3- Trường ĐKST và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất): (Trước khi ghi, xem kỹ hướng dẫn tại mục IV, mặt sau phiếu ĐK-01C)

- Tên trường:

Ký hiệu trường

Mã ngành

- Tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển:

4- Họ, chữ đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh) **Giới:** Nữ ghi 1, Nam ghi 0

5- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu) Ngày tháng năm

6- Nơi đăng ký khai sinh:.....

7- Nơi đăng ký thường trú:.....

...KV1, KV2-NT, KV2, KV3) Mã tỉnh Mã xã

8- Dân tộc: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu DK 01-C.....

9- Tôn giáo: Ghi theo hướng dẫn phía sau phiếu ĐK 01-C.....

10- Nơi học THPT: (Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm; ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô mã).

Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

11- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thì khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

12- Năm tốt nghiệp THPT: (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô).

13- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ.....nơi đóng quân (ghi rõ thôn hoặc tương đương, xã (phường, đặc khu), tỉnh).....

14- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào, thì ghi vào 2 ô mã, ký hiệu của đối tượng đó. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).

15- Thẻ căn cước công dân (hoặc Giấy chứng minh nhân dân) số: *(Ghi mỗi số vào 1 ô)*

16- Đối tượng sơ tuyển: (Thanh niên ghi số 0; quân nhân ghi số 1).

17- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa khi trúng tuyển:

Ghi chú:

- Sau ngày xét tuyển, mọi yêu cầu sửa đổi, nội dung lời khai sẽ không có giá trị.

- Địa chỉ liên lạc, điện thoại: Ghi rõ thôn, xã (số nhà, phố, phường), tỉnh (thành phố), đơn vị:

Ngày tháng năm 202...

Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 202...

Nơi thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

IV- HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ SƠ TUYỂN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ NĂM 202...

1. Năm 202..., mỗi thí sinh phải làm 2 loại hồ sơ riêng biệt: 01 bộ hồ sơ đăng ký sơ tuyển (do Ban TSQSBQP phát hành) và 01 bộ hồ sơ đăng ký dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT (do Bộ GD & ĐT phát hành), cụ thể:

a) Đăng ký sơ tuyển: Thí sinh là thanh niên ngoài Quân đội mua hồ sơ và đăng ký sơ tuyển tại Ban TSQS cấp xã; thí sinh là quân nhân tại ngũ đăng ký sơ tuyển tại đơn vị cấp trung đoàn hoặc tương đương.

b) Đăng ký dự thi: Thí sinh phải đăng ký dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT để lấy điểm xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng quân sự; thí sinh mua hồ sơ, làm thủ tục đăng ký dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT thực hiện theo quy định của Bộ GD & ĐT.

2. Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào học viện, trường Quân đội phải mua hồ sơ đăng ký sơ tuyển, tự ghi kê khai bằng chữ của mình vào 3 phiếu ĐKST (phiếu ĐKST - 01A kết hợp dùng làm bì đựng hồ sơ nộp cho trường đăng ký sơ tuyển; phiếu ĐKST-01B lưu tại Ban TSQS địa phương, đơn vị; phiếu ĐKST-01C do thí sinh lưu). Trước khi ghi thí sinh cần đọc kỹ các quy định của Bộ GD & ĐT và Ban TSQSBQP ban hành về mã số các tỉnh, xã, đơn vị, học viện, trường đăng ký sơ tuyển, trường THPT.

Thí sinh phải tự ghi từ mục 2 đến mục 17, phần chữ ghi vào nơi có dòng kẻ, phần số (hoặc ký hiệu) ghi vào các ô tương ứng ở bên phải. Số ghi phải rõ ràng, không tẩy xóa và không ghi số la mã.

Mục 1: Thí sinh không tự ghi, mục này do Ban TSQS tỉnh, thành phố, quận khu... đánh số theo thứ tự thí sinh nộp hồ sơ sơ tuyển vào từng trường của đơn vị, địa phương mình.

Mục 2: Nơi nộp hồ sơ ĐKST ghi theo mã đơn vị đăng ký sơ tuyển do Ban TSQSBQP quy định thống nhất trong các trường đại học, cao đẳng quân sự. Thí sinh cần ghi theo hướng dẫn của Ban TSQS đơn vị, địa phương nơi mình ĐKST. Thí sinh là thanh niên ngoài Quân đội, quân nhân xuất ngũ nộp hồ sơ ĐKST tại xã (phường, đặc khu), nơi mà mình có Nơi đăng ký thường trú, thí sinh là quân nhân nộp hồ sơ ĐKST tại đơn vị hiện đang công tác để đảm bảo yêu cầu phải qua sơ tuyển của Bộ Quốc phòng.

Mục 3: Ghi theo hướng dẫn trên phiếu ĐKST.

- Tên trường: Ghi tên trường đăng ký sơ tuyển và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu trường vào 3 ô đầu. Tám ô tiếp theo ghi mã ngành đăng ký xét tuyển (ghi theo thứ tự từ trái qua phải, hết phần chữ đến phần số, mỗi chữ hoặc mỗi số vào một ô, nếu còn dư để trống các ô phía sau) với những trường không quy định mã ngành thì bỏ trống.

- Tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển: Ghi các môn xét tuyển theo đúng quy định tổ hợp bài thi, môn thi để xét tuyển vào từng ngành của từng trường vào dòng kẻ chấm, ghi mã số vào trong ô mã (Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa - A00, ghi số 1; Tổ hợp: Toán, Lý, tiếng Anh - A01, ghi số 2; Toán, Hóa, Sinh - B00, ghi số 3; Văn, Sử, Địa - C00, ghi số 4; Toán, Văn, tiếng Anh - D01, ghi số 5, Toán, Văn, tiếng Nga - D02, ghi số 6; Toán, Văn, tiếng Trung - D04, ghi số 8) .

- Thí sinh dự tuyển vào các trường Quân đội phải đăng ký nguyện vọng 1 vào trường nộp hồ sơ sơ tuyển, các nguyện vọng còn lại thí sinh đăng ký vào các trường ngoài Quân đội. Nếu thí sinh không đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất), sẽ không được tham gia xét tuyển.

Mục 4: Ghi theo hướng dẫn của mặt trước phiếu ĐKST.

Mục 5: Ghi theo hướng dẫn của mặt trước phiếu ĐKST.

Mục 6: Nơi đăng ký khai sinh: Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố).

Mục 7: Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và mã tỉnh, mã xã (phường, đặc khu) vào trong ô mã nơi mình đăng ký thường trú.

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh năm 202..., nếu thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo nơi đăng ký thường trú ở khu vực nào thì khoanh tròn vào khu vực đó.

Mã tỉnh, mã xã: Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ghi theo quy định của Bộ GD & ĐT ban hành năm 202....

Mục 8: Ghi rõ bằng chữ tên dân tộc vào đường kẻ chấm, ghi mã số (dân tộc Kinh ghi số 0, các dân tộc khác ghi số 1) vào trong ô mã.

Mục 9: Ghi rõ bằng chữ tên Tôn giáo vào đường kẻ chấm, ghi mã số (không tôn giáo ghi số 0, Phật giáo ghi số 1, các tôn giáo khác ghi số 2).

Mục 10: Ghi tên trường và địa chỉ của trường vào đường kẻ chấm. Ghi mã tỉnh của trường vào 2 ô đầu. Ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên của 3 ô mã trường ghi số 0, mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên của 3 ô mã trường ghi số 0). Mã tỉnh, mã trường: Thí sinh đăng ký dự tuyển ghi theo quy định của Bộ GD & ĐT ban hành năm 202....

Mục 11: Theo quy định của Bộ GD & ĐT.

Mục 12: Ghi theo hướng dẫn của mặt trước phiếu ĐKST.

Mục 13: Dùng riêng cho thí sinh là quân nhân đăng ký sơ tuyển năm 202.... Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ban hành năm 202.... Nếu thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực nơi đóng quân cao hơn hộ khẩu thường trú, thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đóng quân để hưởng ưu tiên; nếu không được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân thì không khoanh.

Mục 14: Ghi theo hướng dẫn ở mặt trước của Phiếu ĐKST (Đối tượng ưu tiên ghi theo quy định của Quy chế tuyển sinh ban hành năm 202...).

Mục 15: Ghi số Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) từ ô đầu đến hết, nếu còn thừa ô ở phần cuối thì để trống.

Mục 16: Ghi theo hướng dẫn mặt trước của phiếu ĐKST.

Mục 17: Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh: Thí sinh phải ghi bằng chữ của mình: “Tôi xin cam đoan những lời khai trong bản này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, chấp nhận xử lý theo quy chế của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng. Nếu trúng tuyển được vào học, tôi xin hứa tích cực học tập, rèn luyện, chấp hành nghiêm điều lệnh, điều lệ của quân đội; chấp hành sự phân công theo ngành học; phục tùng tuyệt đối sự phân công của tổ chức sau khi tốt nghiệp, nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao”.

PHIẾU ĐĂNG KÝ SƠ TUYỂN, TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG QUÂN SỰ NĂM 202...

BỘ QUỐC PHÒNG
BAN TUYỂN SINH QUÂN SỰCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU ĐK 01-A

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202...

1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSBQP) 2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT): (QK, QC, QĐ, BC...) 3- Tên trường ĐKXT (Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô mã) Mã trường4- Ngành dự tuyển: (Ghi tên ngành vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã ngành (nếu có) vào các ô mã) Mã ngành5- Họ, chữ đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh). Giới: Nữ ghi 1, Nam ghi 0 6- Nơi đăng ký khai sinh: Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) 7- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: Ngày tháng năm
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)8- Nơi đăng ký thường trú: Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố). Mã tỉnh Mã xã
(KV1, KV2-NT, KV2, KV3)9- Dân tộc: (Ghi rõ bằng chữ tên dân tộc vào phần kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã) 10- Tôn giáo: (Ghi rõ bằng chữ tên tôn giáo vào dòng kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã) 11- Nơi học trung học phổ thông
(Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô).Năm lớp 10: Năm lớp 11: Năm lớp 12:

12- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thi khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

13- Năm tốt nghiệp THPT (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)

14- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thi khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ... Nơi đóng quân (Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh)...

15- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào thì ghi vào 2 ô mã ký hiệu của đối tượng đó. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống). 16- Thẻ căn cước công dân (hoặc Giấy chứng minh nhân dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô) 17- Đối tượng dự tuyển: (Quân nhân ghi số 1). 18- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh khi trúng tuyển: Địa chỉ liên lạc, điện thoại:

Ngày tháng năm 202...

Người thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên, cấp bậc)Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)Ảnh 4 x 6
của thí sinh
(Đóng dấu
trùm lên góc bên
phải phía dưới ảnh)Xác nhận của đơn vị cấp e và tương đương
Ban TSQS đơn vị: Xác nhận thí sinh... là
quân nhân đang tại ngũ ở đơn vị.Ngày tháng năm 202...
(Ký tên, đóng dấu)

I. TÊN VÀ KÍ HIỆU CÁC TRƯỜNG TUYỂN SINH TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202...

TT	TÊN TRƯỜNG	MÃ TRƯỜNG
1	Trường Sĩ quan Đặc công	CDH
2	Trường Sĩ quan Phòng hoá	GHH
3	Trường Sĩ quan Không quân	KGH
4	Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự	VHH
5	Trường Đại học Văn hoá Nghệ thuật Quân đội	VNH
6	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Phòng không - Không quân	TPH
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải quân	QHH
8	Trường Cao đẳng Kỹ thuật quân sự 1	KTH
9	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Thông tin	THH
10	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mật mã	MMH
11	Trường Cao đẳng Trinh sát	TSH
12	Trường Cao đẳng Biên phòng	TBH
13	Trường Cao đẳng Hậu cần 1	HCH
14	Trường Cao đẳng Hậu cần 2	HCS
15	Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng	QPH
16	Trường Trung cấp Kỹ thuật Tăng thiết giáp	GIH
17	Trường Trung cấp Kỹ thuật Công binh	CBH
18	Trường Trung cấp 24 Biên phòng	PPH
19	Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung	MTH

BỘ QUỐC PHÒNG
BAN TUYỂN SINH QUÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU ĐK 01-B

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202...

1- Số phiếu: (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSQP)

2- Nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT): (QK, QC, QĐ, BC...)

3- Tên trường ĐKXT (Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô mã) Mã trường

4- Ngành dự tuyển: (Ghi tên ngành vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã ngành (nếu có) vào các ô mã) Mã ngành

5- Họ, chữ đệm và tên: (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh). **Giới:** Nữ ghi 1, Nam ghi 0

6- Nơi đăng ký khai sinh: Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố).....

7- Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh: Ngày tháng năm
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)

8- Nơi đăng ký thường trú: Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố). Mã tỉnh Mã xã
(KV1, KV2-NT, KV2, KV3).....

9- Dân tộc: (Ghi rõ bằng chữ tên dân tộc vào phần kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

10- Tôn giáo: (Ghi rõ bằng chữ tên tôn giáo vào dòng kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

11- Nơi học trung học phổ thông
(Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô).
Năm lớp 10:
Năm lớp 11:
Năm lớp 12:

12- Nơi học THPT thuộc khu vực nào thi khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó: (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

13- Năm tốt nghiệp THPT (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)

14- Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân: Thí sinh thuộc khu vực nào thi khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ..... Nơi đóng quân (Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh).....

15- Đối tượng ưu tiên: (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào thì ghi vào 2 ô mã ký hiệu của đối tượng đó. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).

16- Thẻ căn cước công dân (hoặc Giấy chứng minh nhân dân) số: (Ghi mỗi số vào 1 ô)

17- Đối tượng dự tuyển: (Quân nhân ghi số 1).

18- Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh khi trúng tuyển:

Địa chỉ liên lạc, điện thoại:.....

Người thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên, cấp bậc)

Ảnh 4 x 6
của thí sinh
(Đóng dấu
trùm lên góc bên phải
phía dưới ảnh)

Ngày tháng năm 202...
Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

II. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH NĂM 202...

Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực, ưu tiên theo đối tượng theo quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 202....

BỘ QUỐC PHÒNG
BAN TUYỂN SINH QUÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU ĐK 01-C

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202..

1- **Số phiếu:** (Thí sinh không tự ghi mục này. Khi thu phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Ban TSQSBQP)

2- **Nơi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT):** (QK, QC, QĐ, BC...).....

3- **Tên trường ĐKXT** (Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào các ô mã) Mã trường

4- **Ngành dự tuyển:** (Ghi tên ngành vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã ngành (nếu có) vào các ô mã) Mã ngành

5- **Họ, chữ đệm và tên:** (viết chữ in hoa có dấu, đúng như giấy khai sinh). **Giới:** Nữ ghi 1, Nam ghi 0

6- **Nơi đăng ký khai sinh:** Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố).....

7- **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:** Ngày tháng năm
(Nếu ngày, tháng nhỏ hơn 10 ghi số 0 trong ô đầu)

8- **Nơi đăng ký thường trú:** Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố). Mã tỉnh Mã xã
(KV1, KV2-NT, KV2, KV3).....

9- **Dân tộc:** (Ghi rõ bằng chữ tên dân tộc vào phần kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

10- **Tôn giáo:** (Ghi rõ bằng chữ tên tôn giáo vào dòng kẻ chấm và mã số ở trang sau vào trong ô mã).....

11- **Nơi học trung học phổ thông**
(Ghi rõ tên trường và địa chỉ của trường: xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và ghi mã tỉnh của trường và mã trường vào ô).

Năm lớp 10:

Năm lớp 11:

Năm lớp 12:

12- **Nơi học THPT thuộc khu vực nào thi khoanh tròn ký hiệu của khu vực đó:** (KV1, KV2-NT, KV2, KV3)

13- **Năm tốt nghiệp THPT** (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)

14- **Ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân của quân nhân:** Thí sinh thuộc khu vực nào thi khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó (KV1, KV2-NT, KV2, KV3). Tháng, năm nhập ngũ..... Nơi đóng quân (Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh).....

15- **Đối tượng ưu tiên:** (Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào thì ghi vào 2 ô mã ký hiệu của đối tượng đó. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống).

16- **Thẻ căn cước công dân (hoặc Giấy chứng minh nhân dân) số:** (Ghi mỗi số vào 1 ô)

17- **Đối tượng dự tuyển:** (Quân nhân ghi số 1).

18- **Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh khi trúng tuyển:**

Địa chỉ liên lạc, điện thoại:.....

Ngày tháng năm 202...
Thí sinh dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 202...
Nơi thu hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III- HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐKXT TUYỂN SINH TRUNG CẤP QUÂN SỰ NĂM 202...

Thí sinh có nguyện vọng dự tuyển vào trường nào, phải tự ghi kê khai bằng chữ của mình vào 3 phiếu đăng ký dự tuyển nộp một bộ 03 phiếu ĐKXT (phiếu ĐK 01 - A kết hợp dùng làm bì đựng hồ sơ nộp cho trường dự tuyển; Phiếu ĐK 01 - B lưu tại Ban TSQS đơn vị; phiếu ĐK 01 - C do thí sinh lưu). Trước khi ghi cần đọc kỹ các quy định của Bộ GD & ĐT và Ban TSQSBQP ban hành về mã số các tỉnh, xã (phường, đặc khu), đơn vị, học viện, trường dự tuyển, trường trung học phổ thông (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên).

Thí sinh phải tự ghi từ mục 2 đến mục 18, phần chữ ghi vào nơi có dòng kẻ, phần số (hoặc ký hiệu) ghi vào các ô tương ứng ở bên phải. Số ghi phải rõ ràng, không tẩy xóa và không ghi số la mã.

Mục 1: Thí sinh không tự ghi, mục này do Ban TSQS các đơn vị (QK, QĐ, QC, BC, BĐ, TC...) ghi theo thứ tự thí sinh dự tuyển vào từng trường của đơn vị mình.

Mục 2: Nơi nộp hồ sơ ĐKXT ghi theo Mã đơn vị đăng ký xét tuyển do Ban TSQSBQP quy định thống nhất. Thí sinh cần ghi theo hướng dẫn của Ban TSQS đơn vị nơi mình ĐKXT.

Mục 3: Ghi theo hướng dẫn trên phiếu ĐKXT. Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu mã trường vào 3 ô mã (xem ký hiệu mã trường ở mặt sau phiếu ĐKXT ĐK-01A).

Mục 4: Ghi theo hướng dẫn trên phiếu ĐKXT. Ghi tên ngành vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu ngành (nếu có) vào 3 ô mã, nếu không có mã ngành thì bỏ trống.

Mục 5, 6, 7: Ghi theo hướng dẫn của mặt trước phiếu ĐKXT.

Mục 8: Ghi rõ xã (phường, đặc khu), tỉnh (thành phố) vào đường kẻ chấm và mã tỉnh, xã (phường, đặc khu) vào trong ô mã nơi mình đăng ký thường trú.

Thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nếu thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo nơi đăng ký thường trú ở khu vực nào thì khoanh tròn vào khu vực đó.

Mã tỉnh, mã xã (phường, đặc khu) ghi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 202....

Mục 9: Dân tộc Kinh ghi số 0; Các dân tộc khác ghi số 1.

Mục 10: Ghi rõ bằng chữ tên tôn giáo vào dòng kẻ chấm, ghi mã số vào trong ô (không tôn giáo ghi số 0; Phật giáo ghi số 1, các tôn giáo khác ghi số 2).

Mục 11: Ghi tên trường và địa chỉ của trường vào đường kẻ chấm. Ghi mã tỉnh nơi trường đóng quân vào 2 ô đầu. Ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên của 3 ô mã trường ghi số 0, mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên của 3 ô mã trường ghi số 0). Mã tỉnh, mã trường ghi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 202....

Mục 12: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục 13: Ghi theo hướng dẫn của mặt trước phiếu ĐKXT.

Mục 13: Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực nơi đóng quân cao hơn hộ khẩu thường trú, thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đóng quân để hưởng ưu tiên; nếu không được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi đóng quân thì không khoanh.

Mục 15: Ghi theo hướng dẫn ở mặt trước của Phiếu ĐKXT, đối tượng ưu tiên thực hiện theo quy chế tuyển sinh trung cấp của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục 16: Ghi số Chứng minh nhân dân (hoặc thẻ căn cước công dân) từ ô đầu đến hết, nếu còn thừa ô ở phần cuối thì để trống.

Mục 17: Ghi theo hướng dẫn của mặt trước phiếu ĐKXT.

Mục 18: Cam đoan về hồ sơ và lời hứa của thí sinh: Thí sinh phải ghi bằng chữ của mình: “Tôi xin cam đoan những lời khai trong bản này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo quy chế của Nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng. Nếu được vào học, tôi xin hứa tích cực học tập, rèn luyện, chấp hành nghiêm điều lệnh, điều lệ của Quân đội; Chấp hành sự phân công theo ngành học; phục tùng tuyệt đối sự phân công của tổ chức sau khi tốt nghiệp, nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao”.